# BÁO BÀI - LỚP 9A – ISP03

Class Assignment Report - Grade 9A

*(Tuần/week: 38 Từ ngày/From 04/05/2026 đến ngày/To 08/05/2026)*

*GVCN/ Homeroom Teacher: Nguyễn Thị Lệ Giang*

| Thứ - Ngày<br>*Day - Date* | Tiết<br>*Period* | Môn<br>*Subject* | Nội dung học tập<br>*Lesson Details* | Dặn dò<br>*Preparation Notes* |
|---|---|---|---|---|
| Thứ Hai<br>*Monday*<br>04/05/2026 | 1 | **SHCN** | Sh theo chuyên đề | |
| | 2 | **Ôn tập Tiếng Anh** | Ôn/luyện tập có hướng dẫn | |
| | 3 | **Ôn tập Tiếng Anh** | Ôn/luyện tập có hướng dẫn | |
| | 4 | **English (Expat)** | *E8: OFF*<br>*E10: Grade 8: OFF*<br>*Grade 9: IELTS sample speaking 10* | |
| | 5 | **English (Expat)** | *E8: OFF*<br>*E10: Grade 8: OFF*<br>*Grade 9: IELTS sample speaking 10* | |
| | 6 | **Toán** | Luyện tập/ Thí nghiệm/ Thực hành | Mang theo SGK, vở, đồ dùng học tập |
| | 7 | **Tự học/ Ôn tập** | Ôn/luyện tập có hướng dẫn | |
| | 8 | **Hóa học** | | |
| | 9 | **Vật lý** | | |
| Thứ Ba<br>*Tuesday*<br>05/05/2026 | 1 | **Toán** | Luyện tập/ Thí nghiệm/ Thực hành | Mang theo SGK, vở, đồ dùng học tập |
| | 2 | **Toán** | Luyện tập/ Thí nghiệm/ Thực hành | Mang theo SGK, vở, đồ dùng học tập |
| | 3 | **Tự học/ Ôn tập** | Ôn/luyện tập có hướng dẫn | |
| | 4 | **English (Expat)** | *E8: Written test (10:00 - 11:00)*<br>*E10: Grade 8: Written test*<br>*Grade 9: Reading & Language art G8: Unit 3_Lesson 3* | |
| | 5 | **English (Expat)** | *E8: Written test (10:00 - 11:00)*<br>*E10: Grade 8: Written test*<br>*Grade 9: Reading & Language art G8: Unit 3_Lesson 3* | |
| | 6 | **Toán** | Luyện tập/ Thí nghiệm/ Thực hành | Mang theo SGK, vở, đồ dùng học tập |
| | 7 | **Toán** | Luyện tập/ Thí nghiệm/ Thực hành | Mang theo SGK, vở, đồ dùng học tập |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **8** | **GDĐP (STEAM PBL)** | Cắt ghép mô hình và Lắp đặt hệ thống đèn LED (Phần 2) | |
| | **9** | **GDĐP (STEAM PBL)** | Cắt ghép mô hình và Lắp đặt hệ thống đèn LED (Phần 2) | |
| **Thứ Tư** ***Wednesday*** **06/05/2026** | **1** | **Ngữ Văn** | Đọc: Mùa xuân chín | Chuẩn bị dụng cụ học tập: Bút, vở, SGK |
| | **2** | **Ngữ Văn** | Đọc: Mùa xuân chín (tt) | Chuẩn bị dụng cụ học tập: Bút, vở, SGK |
| | **3** | **Toán** | Luyện tập/ Thí nghiệm/ Thực hành | Mang theo SGK, vở, đồ dùng học tập |
| | **4** | **English** | *E8: Unit 10: Developing speaking: SB p.130 + HW: WB p. 90*<br>*e10: Unit 10: Grammar: SB pp.124-125 & WB p.86* | |
| | **5** | **English** | *E8: Unit 10: Developing speaking: SB p.130 + HW: WB p. 90*<br>*e10: Unit 10: Grammar: SB pp.124-125 & WB p.86* | |
| | **6** | **Toán** | Luyện tập/ Thí nghiệm/ Thực hành | Mang theo SGK, vở, đồ dùng học tập |
| | **7** | **LS&ĐL** | | |
| | **8** | **GDTC** | "- Các kỹ năng vận động cơ bản của thang dây ( rào nhảy, nấm chiến thuật):<br>+ Chạy liên hoàn kết hợp (rào, nấm)<br>- TTTC: Bóng đá:<br>- Ôn tập các kỹ thuật đã học.<br>- Chiến thuật trong môn bóng đá.<br>- Các bài tập bổ trợ trợ trong môn bóng đá.<br>- Tổ chức thi đấu." | Giầy thể thao, bình nước cá nhân. |
| | **9** | **GDTC** | "- Các kỹ năng vận động cơ bản của thang dây ( rào nhảy, nấm chiến thuật):<br>+ Chạy liên hoàn kết hợp (rào, nấm)<br>- TTTC: Bóng đá:<br>- Ôn tập các kỹ thuật đã học.<br>- Chiến thuật trong môn bóng đá.<br>- Các bài tập bổ trợ trợ trong môn bóng đá.<br>- Tổ chức thi đấu." | |
| **Thứ Năm** ***Thursday*** **07/05/2026** | **1** | **Ngữ Văn** | Đọc: Mùa xuân chín | Chuẩn bị dụng cụ học tập: Bút, vở, SGK |
| | **2** | **Ngữ Văn** | Đọc: Mùa xuân chín (tt) | Chuẩn bị dụng cụ học tập: Bút, vở, SGK |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | **3** | **Tự học/ Ôn tập** | Ôn/luyện tập có hướng dẫn | |
| | **4** | **English** | *E8: OFF*<br>*E10: Unit 10: Grammar: SB pp.128-129 & WB p.88* | |
| | **5** | **English** | *E8: OFF*<br>*E10: Unit 10: Grammar: SB pp.128-129 & WB p.88* | |
| | **6** | **LS&ĐL** | | |
| | **7** | **Sinh học** | Ôn tập | |
| | **8** | **Ngữ Văn** | Thực hành tiếng Việt: Sự phát triển của ngôn ngữ: từ ngữ mới và nghĩa mới | Chuẩn bị dụng cụ học tập: Bút, vở, SGK |
| | **9** | **Ngữ Văn** | Thực hành tiếng Việt: Sự phát triển của ngôn ngữ: từ ngữ mới và nghĩa mới (TT) | Chuẩn bị dụng cụ học tập: Bút, vở, SGK |
| **Thứ Sáu**<br>***Friday***<br>**08/05/2026** | **1** | **Tự học/ Ôn tập** | Ôn/luyện tập có hướng dẫn | |
| | **2** | **English (Expat)** | E8 Unit 10: Grammar: SB pp.128-129 & WB p.88 (cont.)<br>E10: Unit 10: Vocabulary: SB p.122 + WB p.84 | |
| | **3** | **English (Expat)** | E8 Unit 10: Grammar: SB pp.128-129 & WB p.88 (cont.)<br>E10: Unit 10: Vocabulary: SB p.122 + WB p.84 | |
| | **4** | **Tự học/ Ôn tập** | Ôn/luyện tập có hướng dẫn | |
| | **5** | **Ôn tập Tiếng Anh** | Ôn/luyện tập có hướng dẫn | |
| | **6** | **Đại sứ** | *Học theo CLB đã chọn* | |
| | **7** | **Đại sứ** | *Học theo CLB đã chọn* | |
| | **8** | **HĐTN.HN** | *Sh theo chuyên đề* | |
| | **9** | **HĐTN.HN** | *Sh theo chuyên đề* | |